TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/KDTM-PT
Ngày: 12/01/2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Đức Toàn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hùng Linh

Ông Phan Báu

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Trần Hồng Long - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 29 tháng 12 năm 2021, ngày 12 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 133/2020/TLPT-KDTM ngày 17 tháng 8 năm 2020 về việc: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 28/2020/KDTM-ST ngày 06/7/2020 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4403/2021/QĐ-PT ngày 23/11/2021, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 11810/2021/QĐ-PT ngày 22/11/2021 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 12509/2021/QĐ-PT ngày 29/11/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A

Địa chỉ trụ sở: 108 đường THD, phường CN, quận HK, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Quách Hoa Thiên V và ông Tạ Anh H; Văn bản ủy quyền ngày 18/02/2019 (ông V có mặt, ông H vắng mặt).

Địa chỉ: Số 219 HVT, Phường I, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty TNHH HDB.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 76 PVC, Phường I, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Xuân H1, sinh năm 1962 – Tổng Giám đốc (vắng mặt).

Địa chỉ: 359/1/63 đường lvs, Phường AE, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phan Thị Tuyết N, sinh năm 1961 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 7/11 khu phố T, phường VP, thị xã TA, tỉnh Bình Dương.

2. Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1966 (vắng mặt)

3. Ông Nguyễn Phúc H3, sinh năm 1986 (vắng mặt)

4. Bà Trần Thị Huyền Tr, sinh năm 1990 (vắng mặt)

5. Ông Trần Nhật H4, sinh năm 1992 (vắng mặt)

6. Bà Trần Thị Ánh T, sinh năm 1999 (vắng mặt)

7. Ông Trần Quang V, sinh năm 2001 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố 1B, phường CPH, thị xã BC, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Quách Hoa Thiên V trình bày:

Ngân hàng TMCP A (VTB) - Chi nhánh BSG (trước đây là Chi nhánh CC) có ký Hợp đồng tín dụng số 112/11-HĐTD ngày 30/6/2011 và Hợp đồng tín dụng số 210/11-HĐTD ngày 03/12/2011 với Công ty TNHH HĐB để bổ sung vốn kinh doanh. Chi tiết như sau:

Hợp đồng tín dụng số 112/11-HĐTD ngày 30/6/2011:

+ Số tiền cho vay: 9.000.000.000 đồng (Chín tỷ đồng)

+ Mục đích xin vay: Bổ sung vốn kinh doanh.

+ Thời hạn cho vay: 12 tháng từ 30/06/2011 đến 30/06/2012.

+ Lãi suất cho vay khi ký hợp đồng là: 21,5%/năm.

+ Lãi suất cho vay hiện đang áp dụng là: 21 %/năm.

Hợp đồng tín dụng số 210/11-HĐTD ngày 03/12/2011:

+ Số tiền cho vay: 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng)

+ Mục đích xin vay: Bổ sung vốn kinh doanh.

+ Thời hạn cho vay: 12 tháng từ 03/12/2011 đến 03/12/2012.

+ Lãi suất cho vay khi ký hợp đồng là: 18%/năm.

+ Lãi suất cho vay hiện đang áp dụng là: 17.5 %/năm.

Các khoản nợ vay trên đã quá hạn trả nợ cho ngân hàng từ ngày 01/07/2012. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, yêu cầu trả nợ nhưng Công ty TNHH HĐB không thực hiện.

Tài sản bảo đảm:

Quyền sử dụng đất diện tích và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 2635, tờ bản đồ số 32, tại xã CPH, huyện BC, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC 815199, số vào sổ cấp GCN CH 00900 do Ủy ban nhân dân huyện BC cấp ngày 06/9/2010 theo hợp đồng thế chấp số 401/11-HĐTC ngày 03/12/2011.

Chủ tài sản: Phan Thị Tuyết N
CMND số 280070919 do CA Bình Dương cấp ngày 11/11/2003
Thường trú tại: số 7/11 khu phố Tây, phường VP, TA, Bình Dương.

Tình hình thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ:

Trong quá trình quan hệ tín dụng, Công ty TNHH HĐB không hợp tác trả nợ cho VTB – chi nhánh BSG theo cam kết tại các hợp đồng tín dụng. Ngày 15/10/2013, chủ sở hữu tài sản là ông Trần Duy D và bà Nguyễn Thị Mỹ D đã bàn giao tài sản bảo đảm cho VTB – Chi nhánh BSG là căn nhà số 436A/108B/16 đường 3/2 Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh (tài sản thuộc hợp đồng thế chấp số 200/11-HĐTC ngày 30/06/2011). Tài sản này đã được bán đấu giá thành với giá 5.670.000.000 đồng (theo biên bản bán đấu giá ngày 10/09/2015). VTB – Chi nhánh BSG đã sử dụng tiền bán đấu giá do công ty bán đấu giá (sau khi trừ các chi phí định giá, chi phí đăng báo, chi phí bán đấu giá, thuế …) để thu hồi một phần nợ gốc của Công ty TNHH HĐB số tiền 5.121.000.000 đồng. Hợp đồng thế chấp số 200/11-HĐTC ngày 30/06/2011 đã xử lý xong.

Do Công ty TNHH HĐB đã vi phạm cam kết, vi phạm các thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP A nên Ngân hàng TMCP A yêu cầu Tòa án tuyên buộc:

Công ty TNHH HĐB phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP A số tiền nợ tổng cộng 112.874.261.068 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 06/7/2020, cụ thể:

Số nợ gốc 3.879.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 10.482.673.192 đồng, nợ lãi quá hạn 5.061.700.875 đồng theo hợp đồng tín dụng số 112/11-HĐTD ngày 30/6/2011;

Số nợ gốc 30.000.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 43.245.678.667 đồng, nợ lãi quá hạn 20.205.208.333 đồng theo hợp đồng tín dụng số 210/11-HĐTD ngày 03/12/2011;

Bị đơn phải chịu tiền lãi phát sinh theo quy định tại các hợp đồng tín dụng kể từ ngày 07/7/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp bị đơn không trả nợ hoặc trả nợ không đủ theo hợp đồng tín dụng số 210/11-HĐTD ngày 03/12/2011 thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ

quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 401/11-HĐTC ngày 03/12/2011, kể cả tài sản gắn liền với đất là hai căn nhà để thu hồi nợ.

Do bị đơn là Công ty TNHH HĐB vắng mặt nên không có bản tự khai cũng như lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị Tuyết N có bà Nguyễn Thị M là người đại diện theo ủy quyền vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ph, ông Trần Phúc H1, bà Trần Thị Huyền Tr, ông Trần Nhật H2, bà Trần Thị Ánh T, ông Trần Quang Vđều có đơn xin xét xử vắng mặt và có lời khai trong hồ sơ vụ án như sau: Các ông/bà ở tại địa chỉ khu phố 1B phường CPH, BC, Bình Dương từ năm 2009 cho đến nay. Các ông/bà ở cùng gia đình bà ở đây với sự đồng ý của chủ đất, chủ đất cho gia đình các ông/bà ở nhờ để giữ đất, các ông/bà không phải trả tiền thuê nhà đất. Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH HĐB trả nợ có tài sản thế chấp là tài sản các ông/bà đang ở, các ông/bà không có ý kiến và yêu cầu gì. Nếu chủ đất hoặc cơ quan chức năng yêu cầu giao nhà đất thì các ông/bà đồng ý và không có yêu cầu gì. Năm 2009 khi gia đình ông/bà đến ở nhờ đã có sẵn hai căn nhà cho đến bây giờ, ông/bà không có xây, sữa chữa gì thêm.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Bị đơn Công ty TNHH HDB vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phan Thị Tuyết N có người đại diện hợp pháp bà Nguyễn Thị M vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị Ph, ông Trần Phúc Hải, bà Trần Thị Huyền Tr, ông Trần Nhật H4, bà Trần Thị Ánh T và ông Trần Quang V vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 28/2020/KDTM-ST ngày 06/7/2020 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A:

Công ty TNHH HDB phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP A số nợ gốc 3.879.000.000 (ba tỷ tám trăm bảy mươi chín triệu) đồng, nợ lãi trong hạn 10.482.673.192 (mười tỷ bốn trăm tám mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi ba ngàn một trăm chín mươi hai) đồng, nợ lãi quá hạn 5.061.700.875 (năm tỷ không trăm sáu mươi mốt triệu bảy trăm ngàn tám trăm bảy mươi lăm) đồng theo hợp đồng tín dụng số 112/11-HĐTD ngày 30/6/2011.

Công ty TNHH HDB phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP A số nợ gốc 30.000.000.000 (ba mươi tỷ) đồng; nợ lãi trong hạn 43.245.678.667 (bốn mươi ba tỷ hai trăm bốn mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi tám ngàn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng, nợ lãi quá hạn 20.205.208.333 (hai mươi tỷ hai trăm lẻ năm triệu hai trăm lẻ tám ngàn ba trăm ba mươi ba) đồng theo hợp đồng tín dụng số 210/11-HĐTD ngày 03/12/2011.

Tổng cộng Công ty TNHH HDB phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP A số nợ là 112.874.261.068 (một trăm mười hai tỷ tám trăm bảy mươi bốn triệu hai trăm sáu mươi mốt ngàn không trăm sáu mươi tám) đồng.

Trường hợp Công ty TNHH HDB trả hết nợ theo hợp đồng tín dụng số 210/11-HĐTD ngày 03/12/2011 thì Ngân hàng TMCP A có trách nhiệm trả lại cho bà Phan Thị Tuyết N bản chính: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC 815199, số vào sổ cấp GCN CH 00900 do Ủy ban nhân dân huyện BC cấp ngày 06/9/2010; Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất số 1750/QĐ-UBND ngày 15/11/2010 (theo biên bản giao nhận tài sản ngày 06/12/2011).

Trường hợp Công ty TNHH HDB không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ theo hợp đồng tín dụng số 210/11-HĐTD ngày 03/12/2011 thì Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi toàn bộ tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 401/11-HĐTC ngày 03/12/2011, cụ thể: tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng đất, thuộc thửa đất số 2635, tờ bản đồ số 32, tại xã CPH, huyện BC, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC 815199, số vào sổ cấp GCN CH 00900 do Ủy ban nhân dân huyện BC, tỉnh Bình Dương cấp ngày 06/9/2010 mang tên bà Phan Thị Tuyết N và tài sản gắn liền với đất là hai căn nhà thể hiện vị trí [g] theo Bản vẽ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương lập ngày 26/9/2019.

Bà Phan Thị Tuyết N được quyền ưu tiên mua lại nhà đất thuộc thửa đất số 2635, tờ bản đồ số 32, tại xã CPH, huyện BC, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì các cá nhân đang sinh sống tại nhà trên đất thế chấp phải chuyển đi nơi khác để thi hành án.

Kể từ ngày 07/7/2020 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án nếu chưa thực hiện hết các khoản tiền thì phải chịu thêm tiền lãi trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 112/11-HĐTD ngày 30/6/2011 và Hợp đồng tín dụng số 210/11-HĐTD ngày 03/12/2011.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lệ phí, án phí, về quyền kháng cáo; quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự.

Ngày 15/7/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Tuyết N có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 22/12/2021, bà N có đơn trình bày tại phiên tòa phúc thẩm và xin xét xử vắng mặt (bà N nộp trực tiếp cho thư ký và ký tên

trước mặt thư ký Tòa án). Theo đơn này bà N xin được xét xử vắng mặt vì lý do sức khỏe và trình bày nội dung như sau:

Trước đây bà N có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất bảo đảm cho Công ty HĐB vay tiền tại Ngân hàng VTB, Công ty hứa đến tháng 8/2012 sẽ giải chấp, trả lại quyền sử dụng đất cho bà N nhưng đã không thực hiện. Trong quá trình làm thủ tục vay vốn, Ngân hàng VTB cố tình làm khống hồ sơ, quyền sử dụng đất của bà N khi đó chỉ có giá trị khoảng 10 tỷ đồng nhưng lại được định giá lên 60 tỷ đồng để ký hồ sơ vay 30 tỷ đồng. Sau khi chụp hồ sơ tại Tòa án, bà N mới biết được rằng Công ty HĐB không nhận tiền vay mà chỉ đứng tên giùm cho ông V Văn Việt – Giám đốc VTB Chi nhánh CC, ông Trịnh Phong S – Trưởng phòng khách hàng VTB Chi nhánh CC (do ông S nhờ ông Trần Duy D vay giùm, ông D lại nhờ Công ty HĐB đứng ra vay giùm). Toàn bộ sự việc đứng tên vay tiền giùm này trước đây bà N hoàn toàn không được biết mà chỉ tưởng rằng công ty HĐB vay tiền để tăng vốn kinh doanh.

Sự việc đứng tên vay tiền giùm được thể hiện tại các chứng cứ sau đây:

Tại Biên bản làm việc ngày 08/5/2015 giữa Ngân hàng VTB - Chi nhánh Bắc Sài Gòn và Công ty HĐB, Công ty HĐB thừa nhận nội dung: *"Khoản vay 30 tỷ đồng Công ty chúng tôi phải thưa ra Tòa Ngân hàng Chi nhánh CC. Ngân hàng tự làm phương án vay, và thẩm định giá, sử dụng toàn bộ số tiền vay 30 tỷ toàn bộ Ngân hàng Củ Chi sử dụng. Công ty HĐB không sử dụng. Ghi chú: Khoản vay 30 tỷ là do ông V – Ngân hàng A nhờ ông Trần Duy D và ông D nhờ công ty HĐB đứng ra vay hộ"*.

Tại Biên bản làm việc ngày 10/01/2014, giữa Ngân hàng VTB – Chi nhánh Bắc Sài Gòn và Công ty HĐB, bà Nguyễn Thị Mỹ D xác nhận: *"Ngân hàng Công thương Củ Chi nhờ ông Trần Duy D nhờ Công ty HĐB đứng vay nợ, món vay 30 tỷ. Toàn bộ món vay 30 tỷ do Ngân hàng Công thương Củ Chi và ông Trịnh Phong S – Trưởng phòng khách hàng sử dụng có giải trình kèm theo. Phần 9 tỷ công ty HĐB sử dụng"*.

Việc Ngân hàng VTB – Chi nhánh CC nâng khống giá trị tài sản thế chấp để duyệt vay số tiền lớn hơn giá trị tài sản thế chấp được chứng minh như sau:

Căn nhà số 436A/108B/16 đường 3 tháng 2, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Trần Duy D và bà Nguyễn Thị Mỹ D đứng tên.

Ngày 30/6/2011, ông D và bà Mỹ D ký Hợp đồng thế chấp để đảm bảo cho Công ty HĐB vay tiền tại ngân hàng VTB Chi nhánh CC. Tại Hợp đồng thế chấp, Ngân hàng VTB định giá căn nhà có giá trị là 12.898.000.000 đồng, bảo đảm cho khoản vay là 9 tỷ đồng.

Ngày 10/9/2015, Ngân hàng VTB – Chi nhánh Bắc Sài Gòn tiến hành bán đấu giá tài sản là căn nhà số 436A/108B/16 đường EW, Phường QW, Quận AO, Thành phố Hồ Chí Minh với giá khởi điểm là 5.670.000.000 đồng và giá bán đấu giá trúng là 6.690.000.000 đồng, chưa bằng một nửa giá trị mà VTB đã định giá.

Tương tự đối với quyền sử dụng đất của bà N, khi VTB – Chi nhánh CC định giá là 60 tỷ để đảm bảo cho khoản vay của Công ty HĐB là 30 tỷ nhưng trên thực tế tại thời điểm vay quyền sử dụng đất này chỉ có giá khoảng 10 tỷ đồng. VTB – Chi nhánh CC cụ thể là ông Trịnh Phong S – Trưởng phòng khách hàng cố tình nâng khống giá trị tài sản, lừa dối bà N ký Hợp đồng thế chấp cho Công ty HĐB vay tiền nhưng thực chất là do ông S, ông V rút toàn bộ số tiền vay dẫn đến Công ty HĐB không có khả năng trả khoản nợ vay, sau đó Ngân hàng VTB khởi kiện ra Tòa nhằm xử lý tài sản của bà N.

Do đó, để làm sáng tỏ sự việc trên và để giải quyết triệt để, toàn diện vụ án kính đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm:

- Triệu tập ông Trần Duy D, bà Nguyễn Thị Mỹ D, ông Trịnh Phong S (Trường phòng khánh hàng Ngân hàng VTB Chi nhánh CC), ông Vũ Văn V (Giám đốc VTB Chi nhánh CC), bà Ngô Thị Kim Y, bà Cù Thị B, ông Đỗ Xuân H1 (là các thành viên tại thời điểm vay vốn) tham gia tố tụng.

- Yêu cầu Tòa án định giá quyền sử dụng đất của bà N để chứng minh rằng trên thực tế quyền sử dụng đất của bà N không thể có giá trị 60 tỷ như Ngân hàng VTB Chi nhánh CC đã tự định giá và tự rút số tiền vay là 30 tỷ.

- Bà N đưa ra yêu cầu độc lập: Yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng thế chấp số 401/11-HĐTC ngày 03/12/2011 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng VTB – Chi nhánh của CC và bên thế chấp là bà Phan Thị Tuyết N, bên vay vốn là Công ty HĐB do Văn phòng công chứng Tân Uyên công chứng số 12908 là vô hiệu do bị lừa dối. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm bà N mới được biết về sự việc Công ty HĐB đứng tên vay tiền giùm cho ông Trịnh Phong S– Ngân hàng VTB Chi nhánh CC, (ông S nhờ ông Trần Duy D vay tiền giùm, sau đó ông D nhờ Công ty HĐB đứng tên vay tiền giùm ông S) nên nay bà N mới biết mình bị lừa đối, mục đích thế chấp vay vốn không phải để phát triển kinh doanh của Công ty HĐB mà là để ông S, ông V tiêu xài cá nhận, từ đó bà N đưa ra yêu cầu độc lập này.

Vì các lý do trên, bà N đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên hủy toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Nguyên đơn – Ngân hàng TMCP A có ông Quách Hoa Thiên V là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đầy đủ, đúng pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Phan Thị Tuyết N làm trong hạn luật định nên hợp lệ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Bản án sơ thẩm đã xét xử đầy đủ, đúng quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Phan Thị Tuyết N, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Phan Thị Tuyết N làm trong hạn luật định, thủ tục kháng cáo theo đúng quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[2] Các đương sự có đơn xin vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung kháng cáo:

Ngân hàng Ngân hàng TMCP A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng VTB) khởi kiện Công ty TNHH HĐB (sau đây gọi tắt là Công ty HĐB) yêu cầu Công ty HĐB phải thanh toán cho Ngân hàng VTB số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm tổng cộng là 112.874.261.068 đồng, trong đó: Nợ gốc là 3.879.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 10.482.673.192 đồng, nợ lãi quá hạn 5.061.700.875 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 112/11-HĐTD ngày 30/6/2011; yêu cầu thanh toán số nợ gốc 30.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 43.245.678.667, nợ lãi quá hạn 20.205.208.333 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 210/11-HĐTD ngày 03/12/2011. Ngân hàng VTB yêu cầu trong trường hợp Công ty HĐB không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ theo Hợp đồng tín dụng số 210/11-HĐTD ngày 03/12/2011 thì Ngân hàng VTB có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 401/11-HĐTC ngày 03/12/2011, cụ thể: Tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 2635, tờ bản đồ số 32, tại xã CPH, huyện BC, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 815199, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH 00900 do Ủy ban nhân dân huyện BC, tỉnh Bình Dương cấp ngày 06/9/2010 mang tên bà Phan Thị Tuyết N và tài sản gắn liền với đất là hai căn nhà thể hiện tại vị trí [g] theo Bản vẽ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương lập ngày 26/9/2019.

Tại cấp phúc thẩm, bà N trình bày do trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm bà N mới được biết về sự việc Công ty HĐB đứng tên vay tiền giùm cho ông Trịnh Phong S – Ngân hàng VTB Chi nhánh CC (ông S nhờ ông Trần Duy D vay tiền giùm, sau đó ông D nhờ Công ty HĐB đứng tên vay tiền giùm ông S) nên đến nay bà N mới biết mình bị lừa dối, mục đích thế chấp vay vốn không phải để phát triển kinh doanh của Công ty HĐB mà để ông S, ông V tiêu xài cá nhân. Do đó, bà N đưa ra yêu cầu độc lập là yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng thế chấp số 401/11-HĐTC ngày 03/12/2011 giữa bên nhận

thế chấp là Ngân hàng VTB – Chi nhánh CC và bên thế chấp là bà Phan Thị Tuyết N, Bên vay vốn là Công ty HĐB do Văn phòng công chứng Tân Uyên công chứng số 12908 là vô hiệu do bị lừa dối.

Căn cứ Biên bản làm việc ngày 10/01/2014 (BL 110) giữa Ngân hàng VTB – Chi nhánh Bắc Sài Gòn (do Ngân hàng VTB cung cấp) ông H trình bày ý kiến: *"Trong toàn bộ dư nợ vay 30 tỷ đồng tại VTB – Chi nhánh Bắc Sài Gòn, chúng tôi chỉ sử dụng 9 tỷ đồng, 30 tỷ đồng còn lại là ông Trần Duy D sử dụng;... Phần 30 tỷ đồng nợ gốc còn lại được đảm bảo bằng tài sản của bà Phan Thị Tuyết N, thực chất là do ông Trần Duy D sử dụng. Chúng tôi cam kết sẽ phối hợp với Ngân hàng, ông Trần Duy D và chủ tài sản để giải quyết món nợ này"*. Ngoài ra tại Biên bản này Công ty HĐB và bên liên quan đến tài sản là bà Ngô Thị Mỹ D, bà Cù Thị B, ông Đỗ Xuân H1 cùng trình bày thêm*: "Ngân hàng Công thương Củ Chi nhờ ông Trần Duy D nhờ công ty HĐB đứng vay nợ món vay 30 tỷ. Toàn bộ món vay 30 tỷ do Ngân hàng CT Củ Chi và ông Trịnh Phong S – Trưởng phòng Khách hàng sử dụng, có giải trình kèm theo. Phần 9 tỷ công ty HĐB sử dụng"*. Bà N không được mời tham gia buổi làm việc này.

Căn cứ Biên bản làm việc ngày 08/5/2015 (BL111) do Ngân hàng VTB cung cấp thể hiện nội dung làm việc là Ngân hàng thông báo dư nợ vay quá hạn của Công ty HĐB tính đến ngày 07/5/2015 là 62.470.159.833 đồng. Tại Biên bản này ông Đỗ Xuân H1 (đại diện công ty HĐB trình bày): *"1. khoản vay 9 tỷ công ty HĐB chúng tôi xin toàn bộ số tiền lãi của khoản tiền vay 9 tỷ để xử lý lấy lại căn nhà trong tháng 8/2015; 2. Khoản vay 30 tỷ Công ty chúng tôi phải thưa ra Tòa Ngân hàng Chi nhánh CC. Ngân hàng tự làm phương án vay, và thẩm định giá và sử dụng toàn bộ số tiền vay 30 tỷ toàn bộ ngân hàng Củ Chi sử dụng, Công ty HĐB không sử dụng. Ghi chú: Khoản vay 30 tỷ là do ông Việt Giám đốc Ngân hàng Công thương nhờ ông D và ông Trần Duy D nhờ Công ty HĐB đứng ra vay hộ"*. Bà N cũng không được mời tham gia buổi làm việc này.

Xét thấy, Ngân hàng VTB có yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 401/11-HĐTC ngày 03/12/2011, khi giải quyết yêu cầu này cần xem xét hiệu lực của Hợp đồng thế chấp. Tại cấp sơ thẩm bà N không đưa ra yêu cầu tuyên bố Hợp đồng thế chấp là vô hiệu do bị lừa dối, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét, giải quyết yêu cầu của bà N. Bà N trình bày sau khi sao chụp hồ sơ vụ án tại cấp phúc thẩm mới biết được sự việc Công ty HĐB dùng tài sản của bà N để thế chấp vay tiền giùm cho ông Việt (Giám đốc Ngân hàng VTB Chi nhánh CC tại thời điểm vay) và ông S (trưởng phòng khách hàng Ngân hàng VTB Chi nhánh CC tại thời điểm vay) là có căn cứ.

Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định về phạm vi xét xử của Tòa án cấp phúc thẩm: *"Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị hoặc có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị"*. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm thẩm không có thẩm quyền giải quyết yêu cầu độc lập của bà N về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng thế chấp vô hiệu do bị lừa dối.

Tòa án cấp phúc thẩm cũng không thể tách yêu cầu độc lập của bà N ra giải quyết bằng một kiện khác, bởi vì Ngân hàng VTB yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp, phía bà N có yêu cầu tuyên bố Hợp đồng thế chấp này vô hiệu. Đây là hai yêu cầu cần phải được giải quyết chung trong một vụ án, bởi nếu chấp nhận yêu cầu độc lập của bà N dẫn đến loại trừ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp. Do đó, yêu cầu độc lập của bà N về việc tuyên bố Hợp đồng thế chấp vô hiệu phải được giải quyết trong cùng một vụ án tranh chấp Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp thì mới đảm bảo vụ án được giải quyết toàn diện, triệt để.

Như vậy, tại cấp phúc thẩm bà N yêu cầu tuyên bố Hợp đồng thế chấp vô hiệu, đây là yêu cầu mới phát sinh chưa được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết, đồng thời yêu cầu mới phát sinh phải được được giải quyết trong cùng một vụ án này thì mới đảm bảo việc giải quyết vụ án được toàn diện, triệt để, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của tất cả các đương sự.

Do phát sinh tình tiết mới tại cấp phúc thẩm, để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự và để đảm bảo hai cấp xét xử cần phải hủy bản án sơ thẩm, trả hồ sơ về cấp sơ thẩm để xét xử lại.

[4] Tại Biên bản làm việc ngày 10/01/2014 (BL 110) và Biên bản làm việc ngày 08/5/2015 (BL111) do Ngân hàng VTB cung cấp thể hiện Công ty HĐB đã thừa nhận việc dùng tài sản của bà N để bảo đảm cho khoản vay 30 tỷ mà Công ty HĐB đứng tên vay giùm ông Trịnh Phong S và ông Vũ Văn V.

Khi giải quyết sơ thẩm lại, Tòa án cấp sơ thẩm cần triệu tập ông Trần Duy D, bà Nguyễn Thị Mỹ D (người ký tên tại 02 Biên bản làm việc nêu trên) để lấy lời khai, làm rõ có việc Công ty HĐB đứng tên vay giùm ông S, ông Việt hay không; cần triệu tập ông Trịnh Phong S (Trưởng phòng Khách hàng Ngân hàng VTB – Chi nhánh CC tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng), ông V Văn Việt (Giám đốc Ngân hàng VTB – Chi nhánh CC tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng), và các thành viên của Công ty HĐB tại thời điểm vay vốn là bà Ngô Thị Kim Y, bà Cù Thị B, ông Đỗ Xuân H1 để tiến hành đối chất, làm rõ có hay không việc công ty HĐB dùng tài sản của bà N để thế chấp, vay tiền giùm ông S, ông Việt thì mới có đủ căn cứ để giải quyết vụ án. Trong trường hợp sau khi triệu tập đầy đủ các đương sự, thu thập đầy đủ các tài liệu, làm rõ tất các tình tiết, sự kiện liên quan đến vụ án đúng theo quy định của pháp luật nhưng không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu độc lập của bà N về việc tuyên bố Hợp đồng thế chấp bị vô hiệu thì bác yêu cầu độc lập của bà N, cần công nhận Hợp đồng thế chấp, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bên nhận thế chấp là Ngân hàng VTB.

[5] Bà N trình bày trong quá trình làm thủ tục vay vốn, Ngân hàng VTB cố tình làm khống hồ sơ, quyền sử dụng đất của bà N khi đó chỉ có giá trị khoảng 10 tỷ đồng nhưng lại được định giá lên 60 tỷ đồng để ký hồ sơ vay 30 tỷ đồng. Hồ sơ thế chấp quyền sử dụng đất của bà N tương tự hồ sơ thế chấp của ông Trần Duy D, bà Trần Thị Mỹ Dung, cụ thể: Ngày 30/6/2011, VTB định giá căn nhà số 436A/108B/16 đường WE, Phường AW, Quận AO có giá là 12.898.000.000 đồng, đảm bảo cho khoản vay 9 tỷ đồng; Ngày 10/9/2015, Ngân

hàng VTB tiến hành bán đấu giá tài sản với giá khởi điểm là 5.670.000.000 đồng và giá bán đấu giá trúng là 6.690.000.000 đồng là chưa bằng một nữa giá trị mà VTB đã định giá. Do đó, bà N yêu cầu Tòa án tiến hành định giá lại quyền sử dụng đất.

Khi giải quyết lại vụ án Tòa án cấp sơ thẩm cần định giá lại giá trị tài sản thế chấp, xác minh, thu thập chứng cứ làm rõ khi lập hồ sơ cho vay, hồ sơ thế chấp Ngân hàng VTB có cố ý nâng khống giá trị tài sản bảo đảm khi thẩm định giá để cấp tín dụng đối với trường hợp phải có tài sản đảm bảo hay không, trong trường hợp có vi phạm thì cần xử lý theo quy định của pháp luật.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị Tuyết N, hủy bản án sơ thẩm số 28/2020/KDTM-ST ngày 06/7/2020 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do hủy về tố tụng, Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét về nội dung vụ án.

[6] Về án phí

Do hủy bản án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử sụng án phí và lệ phí Tòa án;

Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phan Thị Tuyết N. Hủy bản án sơ thẩm số 28/2020/KDTM-ST ngày 06/7/2020 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Phan Thị Tuyết N không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà Phan Thị Tuyết N 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/0026780 ngày 14/8/2020 và biên lai số AA/2019/0026718 ngày 05/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- TAND quận Gò Vấp, TP.HCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Đức Toàn